TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2025.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 606/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/10/1981; Căn cước công dân số: 075181008712, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2022

Nơi cư trú: Tổ 18C, khu phố An Hòa, phường B, (phường H, tHnh phố B cũ), tỉnh Đ;

2. Bị đơn: Ông Vũ Trường G, sinh ngày 04/6/1980; Chứng minh nhân dân số: 271434707, Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/4/1998.

Nơi cư trú: Tổ 18C, khu phố An Hòa, phường B, (phường H, tHnh phố B cũ), tỉnh Đ.

(Bà H và ông G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên

đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống Nhất, tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai năm 2002. Từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm do không thể sống chung với nhau. Nay bà xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

+ Về con chung: Bà và ông G có 02 con chung là Vũ Quốc H1, sinh ngày 02/11/2003 và Bùi Quốc TR, sinh ngày 12/4/2007. Con chung đã trưởng tHnh, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Vũ Trường G đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến Hnh tố tụng; việc chấp Hnh pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn ông Vũ Trường G cư trú tại phường B, (phường H, tHnh phố B cũ), tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai (Tòa án nhân dân tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cũ)

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đã có đơn xin xét xử vắng; bị đơn ông Vũ Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống Nhất, tHnh phố Biên Hòa, tỉnh

Đồng Nai từ năm 2002. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 hôn nhân giữa bà H và ông G là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông G nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông G xảy ra mâu thuẫn từ năm 2024 cho đến nay, vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ, chồng sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến Hnh hòa giải theo quy định nhưng ông G vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông G không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà H và ông G có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà H đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông G là có thật, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông G.

[3] Về con chung: Bà H và ông G có 02 con chung là Vũ Quốc H1, sinh ngày 02/11/2003 và Bùi Quốc TR, sinh ngày 12/4/2007. Các con chung đã tHnh niên, bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung và yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc ly hôn đối với ông Vũ Trường G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn ông Vũ Trường G.

- Về con chung: Bà H và ông G có 02 con chung là Vũ Quốc H1, sinh ngày 02/11/2003 và Bùi Quốc TR, sinh ngày 12/4/2007. Các con chung đã tHnh niên, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006391 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi Hnh án dân sự khu vực 1- Đồng Nai).

3. Bản án được thi Hnh theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi Hnh án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng Thi Hnh án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai;
- Thi Hnh án dân sự tỉnh Đồng Nai.
- UBND phường Trấn Biên, (phường Thống Nhất, tHnh phố Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại